

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 27/2026/QĐST-HNGĐ

Điện Biên, ngày 06 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2025/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 11 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Ma Văn Ph, sinh năm: 1990.

CCCD số: 011090004645; Cấp ngày: 18/5/2022; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố B, phường D, tỉnh Điện Biên.

2. Bị đơn: Chị Nông Thị L, sinh năm: 1992.

CCCD số: 011192001051; Cấp ngày: 07/4/2021; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an.

Địa chỉ: Bản P, xã Th, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2025.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Ma Văn Ph và chị Nông Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Ma Văn Ph và chị Nông Thị L thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Giao con chung là cháu Ma Thị Hoài A, sinh ngày 08/5/2020 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi và có khả năng lao động hoặc đến khi có thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Ph và chị L tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Việc thăm nom con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn thực hiện theo Điều 81, 82, 83, 84 và Điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản và nợ: Anh Ph và chị L tự thỏa thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147/BLTTDS năm 2015; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14, thì mỗi bên đương sự phải chịu 75.000đ án phí DSST. Nhưng anh Ph tự nguyện chịu cả phần án phí DSST cho chị L, tổng số tiền án phí DSST anh Ph phải nộp là 150.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí DSST anh Ph đã nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000221, ngày 24/11/2025. Anh Ph đã nộp đủ án phí và được trả lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 1 - Điện Biên;
- THADS tỉnh Điện Biên;
- UBND phường Đ;
- Các đương sự;
- Kế toán; Văn phòng;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Văn Duy